

*Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST*

*Ngày: 29-7-2020*

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Nhân.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đoàn Lệ Hồng;
2. Bà Trần Thị Sầm.

*Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường – Thư ký Tòa án.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:  
Ông Phạm Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2020/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2020, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 170/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1987;*

Địa chỉ: ấp A, xã An T, huyện M, tỉnh Bến Tre, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 19/6/2020.

*Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1984;*

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hoàng V tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau do anh V hay nhậu nhẹt, vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay.

Trong thời gian sống chung, vợ chồng chị có một con chung tên Nguyễn Văn Hoài P, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2008, hiện đang sống chung với anh V.

Tài sản chung, nợ chung không có.

Do vợ chồng chị không thể hàn gắn được nữa nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh V, chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: Chị T đồng ý để anh V trực tiếp nuôi con, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Hoàng V vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Phát biểu quan điểm về vụ án tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

Về tố tụng:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng và đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng. Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T.

Về con chung: Giao cho anh V được quyền trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Văn Hoài P, sinh ngày 10/12/2008, buộc chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị T và nội dung tranh chấp cần phải giải quyết, Tòa án xác định đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Theo xác nhận đề ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Công an xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam thì bị đơn Nguyễn Hoàng V hiện đang đăng ký thường trú và cư trú tại ấp An, xã A, huyện M nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo trình tự sơ thẩm.

Xét thấy: Nguyên đơn Bùi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn Nguyễn Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

## **[2] Về nội dung giải quyết:**

Xem xét, giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hoàng V tự nguyện kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên hôn nhân của chị T và anh V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, chị T và anh V sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được và chị T khởi kiện xin ly hôn, nguyên nhân theo chị T nêu là do anh V hay uống rượu dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh V không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án cho thấy khả năng đoàn tụ giữa vợ chồng chị T và anh V là không có và mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét.

Về con chung: Chị T và anh V có một con chung tên Nguyễn Văn Hoài P, sinh ngày 10/12/2008, hiện đang sống chung với anh V. Chị T đồng ý để anh V được trực tiếp nuôi con và chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ khi chị T và anh V ly thân đến nay, cháu P do anh V trực tiếp nuôi. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến cháu P ngày 19/6/2020 thì cháu P mong muốn được tiếp tục sống chung với anh V sau khi cha, mẹ cháu ly hôn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử giao cho anh V được quyền trực tiếp nuôi con là phù hợp. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

**[3] Về án phí:** Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Xét thấy quan điểm và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, các khoản 1 và 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T.

Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V. Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: Anh Nguyễn Hoàng V được quyền trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Văn Hoài P, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2008, hiện cháu P đang sống chung với anh V.

Buộc chị Bùi Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000(một triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con tròn mười tám tuổi.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

Về án phí:

Chị Bùi Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010406, ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam là đủ.

Chị Bùi Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000(ba trăm nghìn) đồng.

Các đương sự đều vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND H. Mỏ Cà Ná;
- Chi cục THADS H. Mỏ Cà Ná;
- UNND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*ĐÃ KÝ*

**Lê Chí Nhân**